

Số: 231/2020/QĐST-HNGĐ

Cầu Giấy, ngày 29 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ và Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 298/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2020, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” giữa:

Người yêu cầu: **1. Bà Nguyễn Thị P**, sinh năm 1961;

Số CMND: 013019420 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 04/12/2007

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954;

Số CMND: 013167501 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 22/04/2009;

Cùng ĐKKHTT: Tổ 32, phường Trung H, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

Cùng chỗ ở: Số 8B hẻm 43/10/3, tổ 32 phường Trung H, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn ngày 23/5/1986 tại thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Tuyên (nay là thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang) trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, ông bà sinh sống tại tổ 15, phường Nguyễn T, thị xã Hà G, tỉnh Hà Giang. Sau nhiều lần

thay đổi chỗ ở, ông bà đã làm mất bản chính đăng ký kết hôn nêu trên. Khi làm thủ tục đề nghị cấp trích lục kết hôn tại Phòng Tư pháp – UBND thành phố Hà Giang, ông bà nhận được công văn số 86/CV-TP ngày 28/06/2019 trả lời: Số gốc đăng ký kết hôn những năm 1988 trở về trước phòng Tư pháp thành phố Hà Giang không còn lưu trữ được, sổ lưu trữ hiện còn là các năm từ 1989 đến nay. Đồng thời ông bà được hướng dẫn liên hệ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc nơi gần nhất để làm thủ tục đăng ký kết hôn lại. Ngày 13/05/2020, ông B và bà P đã được Ủy ban nhân dân phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện, vợ chồng không thể hòa hợp và không còn yêu thương nhau nữa. Ông bà đã ly thân kể từ năm 2010 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn để ổn định lại cuộc sống.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B có 03 con chung là anh Nguyễn Nam K (giới tính nam), sinh ngày 01/09/1987, chị Nguyễn Thị Tú H (giới tính nữ), sinh ngày 15/04/1989 và chị Nguyễn Thị Thanh H1 (giới tính nữ), sinh ngày 01/10/1995. Hiện tại, cả anh K, chị H, chị H1 đã trưởng thành đủ 18 tuổi, ông bà không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị P tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 06 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B.

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B có 03 con chung là anh Nguyễn Nam K (giới tính nam), sinh ngày 01/09/1987, chị Nguyễn Thị Tú H (giới tính nữ), sinh ngày 15/04/1989 và chị Nguyễn Thị Thanh H1 (giới tính nữ), sinh ngày 01/10/1995. Anh K, chị H, chị H1 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên tòa án không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tòa án không xem xét.

- **Về nợ chung:** Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị P tự nguyện nhận nộp cả 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà đã nộp tạm ứng lệ phí tại biên lai số AA/2018/0003639 ngày 16/06/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Bà P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Cầu Giấy;
- Chi cục THADS Q. Cầu Giấy;
- UBND phường Trung Hòa, Q. Cầu Giấy,
- TP. Hà Nội (Số 68/2020);
- Lưu HS, VP.

Tạ Thị Thu Hương